

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 20 - 01 - 2022

“*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thanh Thủy

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 06/7/2021 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 1 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm a, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị S: Bà Phan Thị T
- Văn phòng luật sư TV, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị C, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Bà Lê Thị M, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm c, xã NL, huyện NĐ, tỉnh

Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm d, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ A; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: Số nhà 17, tầng 4, đường 78, đài Bắc, Đài Loan; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H: Bà Lê Thị C, sinh năm 1940 trú tại: Xóm b, xã NL, huyện L, tỉnh Nghệ An và bà Lê Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm a, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm d, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm d, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị P2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 25/5 khu phố G1, phường LH, Quận e, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1981; địa chỉ: FE, đường VT, khu phố CL, phường TĐH, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị H2, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 236-238 HV, thị trấn NG, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 06 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bố mẹ bà là ông Lê Đức Dinh, chết năm 1982 và bà Nguyễn Thị Hoét chết năm 1985. Ông D, bà H3 sinh được 07 người con gồm: Bà Lê Thị C sinh năm 1940, bà Lê Thị L1 sinh năm 1951 mất năm 2016 (có 4 người con), bà Lê Thị M sinh năm 1940, bà Lê Thị Q sinh năm 1950, bà Lê Thị H sinh năm 1960, bà Lê Thị S sinh năm 1960, ông Lê Đức N sinh năm 1964 chết năm 1992. Sau khi bố mẹ bà mất còn 03 chị em bà ở trong nhà còn 04 chị lớn đã đi lấy chồng. Năm 1989 em trai bà là Lê Đức N sinh năm 1965 đã lấy vợ là bà Nguyễn Thị L và có 1 con chung là Lê Thị H2.

Bố mẹ bà chết để lại di sản là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12, diện tích 765m², theo đo đạc mới là 760m². Thửa đất theo bản đồ 299 là thửa số 2073, tờ bản đồ số 03, diện tích 820m² và không để lại di chúc. Trên thửa đất có căn nhà

ngôi cấp 4 đã để lại cho vợ chồng em trai bà là ông N bà L ở. Năm 1992 ông Lê Đức N chết, nhà và vườn để lại cho bà L và cháu H2 sử dụng cho đến hiện nay.

Thửa đất đã được Ủy ban nhân huyện NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1415235 ngày 30/7/1998 mang tên Nguyễn Thị L. Tuy nhiên do quy trình cấp giấy chứng nhận sai với lý do bố mẹ bà là cụ D và cụ H3 chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế cũng không đồng ý tặng cho bà Nguyễn Thị L nhưng Ủy ban nhân dân huyện NĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là sai quy định. Nên ngày 26/9/2018 UBND huyện NĐ đã ra quyết định hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Nay bà S cùng các chị em gái có nguyện vọng muốn xây dựng nhà thờ trên thửa đất là di sản của bố mẹ để lại nhưng bà Nguyễn Thị L không đồng ý. Do vậy, bà S yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12, diện tích 765m², theo đo đạc mới là 760m² cho các đồng thừa kế. Còn căn nhà ngôi 3 gian cấp 4 của cha mẹ để lại không chia thừa kế mà để lại cho bà L ở.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về đất ở là đất bố mẹ chồng để lại, tại thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 diện tích 765m² theo đo đạc mới 760m² tại xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Bố chồng bà mất năm 1982, mẹ chồng bà mất năm 1986 nhưng không để lại di chúc. Năm 1988 bà kết hôn với anh Lê Đức N là con trai độc nhất của ông D bà H3, thời điểm đó các o (các chị ruột của chồng bà đã đi lấy chồng hết), chồng bà lâm bệnh nặng hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, bản thân bà một mình chăm sóc chồng làm tròn bổn phận của một người vợ, chăm sóc con đang thơ ấu đến lúc chồng qua đời. Sau khi chồng chết bà một mình nuôi con nhỏ thờ cúng chồng và ông bà tổ tiên. Đến ngày 30/7/1989 bà được Ủy ban nhân dân huyện NĐ cấp giấy chứng nhận cho bà quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 415235. Từ ngày cha mẹ chồng mất bà về làm vợ, làm dâu đến nay đã hơn 30 năm làm ăn sinh sống xây dựng trên mảnh đất của cha mẹ chồng để lại ổn định không có tranh chấp. Nay các o (tức các chị ruột của chồng) cùng các dượng (chồng của các o) muốn xây dựng nhà thờ bản thân bà không ngăn cản mà còn muốn đóng góp xây dựng. Bà đồng ý sẽ để lại một phần diện tích đất ở của bà hiện nay để các o dượng, con cháu đóng góp xây dựng nhà thờ ông bà tổ tiên nhưng các o dượng vẫn muốn khởi kiện bà về chuyện tranh chấp đất đai.

Về nhà ở: Trước đây bố mẹ chồng để lại cho vợ chồng bà ngôi nhà ba gian cấp 4 với diện tích nhỏ hẹp, rách nát đã xuống cấp nặng sau đó do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nhà của lại càng xuống cấp nát hết nên bà được Ủy ban

nhân dân xã NL, huyện NĐ cùng bà con hàng xóm đóng góp ủng hộ và bản thân bà cũng đã vay ngân hàng 8 triệu đồng để xây lại nhà. Bà là người có trình độ học vấn thấp, không có việc làm ổn định, hàng ngày đi nhặt ve chai đồng nát để mưu sinh, cuộc sống thu nhập kinh tế khó khăn, sức khỏe yếu không có chỗ ở nào khác ngoài ngôi nhà trên, do đó bản thân muốn giữ lại ngôi nhà để thờ chồng, bà và con có chỗ đi lồi về.

Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thừa đất trên bà không đồng ý vì bà đã sinh sống trên thửa đất hơn 30 năm không có tranh chấp với ai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây bà cũng có ý định cất 300m² để các o dựng làm nhà thờ nhưng nay bà chỉ đồng ý trích thửa đất phía Nam giáp nhà chị Nguyễn Thị M2 (N1) chiều 8m, phía Đông giáp đường bê tông xóm và phía Tây giáp nhà ông Trần V để o dựng, con cháu dựng nhà thờ. Về nhà ở thì đây là nhà tình nghĩa của Ủy ban nhân dân xã và bà con làng xóm hỗ trợ đóng góp giúp đỡ và có sự đóng góp của xây dựng lên, hơn nữa đây là tài sản duy nhất của bà và con cái nên bà không đồng ý chia.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 diện tích 765m² theo đo đạc mới 760m² tại xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q thống nhất trình bày như bà Lê Thị S và bà Nguyễn Thị L ở trên. Đề nghị Tòa án chia thừa đất thành 2 phần, một phần gồm suất của bà C, bà S, bà H và ½ suất của bà L1, phần này giao cho bà S, bà H, bà C. Phần đất bà M, bà Q và phần ông Lê Đức N (chồng bà L) và ½ suất bà L1 giao cho bà Nguyễn Thị L sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P1, chị Nguyễn Thị P2, anh Nguyễn Trọng H1, anh Nguyễn Trọng M1 trình bày:

Chị Nguyễn Thị P1, chị Nguyễn Thị P2, anh Nguyễn Trọng H1, anh Nguyễn Trọng M1 là con gái bà Nguyễn Thị L1 (đã mất năm 2016), bố là ông Nguyễn Trọng T mất năm 2015. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Lê Thị S đối với thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 diện tích 765m² theo đo đạc mới 760m² tại xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An thì chị P1, chị P2, anh M1, anh T đồng ý và thống nhất như sau: Phần di sản thừa kế mà bà Lê Thị L1 được hưởng để lại ½ suất làm nhờ thờ giao cho bà S, bà H, bà C quản lý; ½ suất còn lại cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng.

Ngày 14/01/22 và ngày 23/3/2021 Tòa án đã tổ chức định giá đo vẽ, xác minh nguồn gốc đất thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 có tại xã NL, huyện ND bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng có sơ đồ kèm theo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Do bà Lê Thị H đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng Tòa án chưa tiến hành tổng đạt các tài liệu cho bà H theo quy định Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự; chưa xác minh làm rõ thời điểm cụ Lê Đức D và cụ Nguyễn Thị H3 chết thì bố mẹ hai cụ còn sống hay không? Chưa lấy lời khai của chị Lê Thị H2 đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Chưa lấy lời khai đối với chị Nguyễn Thị P1, anh Nguyễn Trọng H1 về việc đồng ý chia đôi 50% đất làm nhà thờ, 50% đất để lại cho bà L. Chưa xác minh rõ nguồn gốc thửa đất cụ D, cụ H3 để lại có thuộc quyền sử dụng của ai nữa không. Do đó đề nghị Tòa án ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ các nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Một số đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ủy quyền hoặc không có lý do Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại xóm b, xã NL, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có bà Lê Thị H đang cư trú ở nước ngoài (Đài Loan, Trung Quốc). Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có đề nghị ngừng phiên tòa để xác minh, lấy lời khai làm rõ ý chí của các người có quyền lợi liên quan, xác minh nguồn gốc đất các đương sự yêu cầu chia, xác minh bố mẹ của người để lại di sản... Các nội dung này đã được Tòa án xác minh nhiều

lần đã có tại các BL 45, 130, 131... có tại hồ sơ nên Tòa án có đủ căn cứ để quyết định theo quy định không làm ảnh hưởng quyền lợi các đương sự nên không ngừng phiên tòa.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Lê Thị S là con cụ Lê Đức D và cụ Nguyễn Thị H3. Cụ Đinh chết năm 1982, cụ H3 chết năm 1985. Ngày 29/6/2020, bà Lê Thị S làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 là hết thời hiệu, nhưng tính từ ngày 10/9/1990 chưa quá 30 năm nên Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị S yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12, diện tích 760m² tại xóm b, xã NL, huyện NĐ tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xác định di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12, diện tích 760m² đất tại xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, nay bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng là di sản của cụ Lê Đức D và cụ Nguyễn Thị H3. Tuy nhiên cụ Lê Đức D chết năm 1982 và cụ H3 chết năm 1985, toàn bộ di sản là thửa đất có diện tích 760m² do vợ chồng ông Lê Đức N và bà Nguyễn Thị L quản lý đến năm 1992 ông N chết, bà L quản lý, sử dụng và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất cho đến nay, do đó cần trích cho bà L một diện tích đất tương xứng để đảm bảo công sức người quản lý di sản thừa kế trong thời gian dài theo quy định tại khoản 3 Điều 618 Bộ luật dân sự, tương ứng diện tích đất là 214m². Như vậy diện tích đất là di sản thừa kế còn lại để chia cho các hàng thừa kế là $760\text{m}^2 - 214\text{m}^2 = 546\text{m}^2$.

Do các đồng thừa kế đều thống nhất cụ D, cụ H3 chết không để lại di chúc nên Tòa án chia theo quy định pháp luật.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Lê Đức D chết ngày 05/10/2082 và cụ Nguyễn Thị H3 chết ngày 05/11/1985 (Trích lục khai tử BL37,38). Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật dân sự xác định thời điểm mở thừa kế chia di sản của cụ D là ngày 05/10/2082 và cụ H3 là ngày 05/11/1985.

[2.3] Về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật:

Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự, Tòa án xác định tại thời điểm cụ D và cụ H3 chết hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ có 07 người con, gồm: Bà Lê Thị C, bà Lê Thị L1 sinh năm 1951 mất năm 2016 (có 4 người con), bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H, bà Lê Thị S, ông Lê Đức N sinh năm 1964 chết năm 1992.

Bà Lê Thị L1 sinh năm 1951 mất năm 2016, có 4 người con được hưởng

suất thừa kế của bà L1 quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự, gồm: Anh Nguyễn Trọng M1, chị Nguyễn Thị P1, chị Nguyễn Thị P2 và Nguyễn Trọng H1. Tuy nhiên qua điều tra các con bà Lê Thị L1 không nhận phần thừa kế được hưởng mà $\frac{1}{2}$ suất cho bà Nguyễn Thị L, còn $\frac{1}{2}$ suất của bà L1 được hưởng chấp nhận giao cho bà S, bà H, bà C để làm nhà thờ cho cụ H3, cụ D nên chấp nhận.

Ông Lê Đức N sinh năm 1964 chết năm 1992 có vợ bà Nguyễn Thị L và con Lê Thị H2. Bà L và chị H2 được hưởng suất thừa kế của ông N theo quy định tại Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự.

Như vậy, diện tích đất còn lại chia 07 suất mỗi suất được hưởng cụ thể: $546\text{m}^2 : 7 = 78\text{m}^2$, trị giá 78.000.000 đồng.

Chấp nhận thỏa thuận của các đương sự: Theo yêu cầu của bà Lê Thị S, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H và $\frac{1}{2}$ suất thừa kế của bà Lê Thị L1 giao cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị C và bà Lê Thị H quản lý chung.

Diện tích cụ thể: $(78\text{m}^2 \times 3) + 39\text{m}^2 = 273\text{m}^2$ có kích thước phía Tây Nam giáp đất ở ông N1 kích thước 18,02m và 1,65m; phía Đông Nam giáp phần đất giao cho bà L, chị H2 quản lý sử dụng có kích thước 24m, phía Tây Bắc giáp đất ở bà C có kích thước 12m và phía Đông Nam giáp đường xóm có kích thước 13m.

Diện tích đất còn lại giao bà Nguyễn Thị L và chị Lê Thị H2 quản lý sử dụng, cụ thể:

$760\text{m}^2 - 273\text{m}^2 = 487\text{m}^2$ có kích thước phía Tây Nam giáp phần đất giao cho bà S, bà C, bà H có kích thước 24m; phía Đông Bắc giáp đường xóm có kích thước 2,47m - 21,34m - 7,46m; phía Tây Bắc giáp đất ở bà C có kích thước sau khi giao bà S, bà H, bà C 12m và phía Đông Nam giáp đường xóm có kích thước sau khi đo đã giao cho bà S, bà C và bà H 13m.

Tài sản trên đất các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chấp nhận toàn bộ tài sản trên đất nằm phần đất giao cho người nào quản lý thì người đó được sở hữu tài sản.

Diện tích đất chia thừa kế giao cho các đương sự quản lý sử dụng có sơ đồ lập kèm theo bút lục số 135 lập ngày 23/3/2021 và sơ đồ đo vẽ ngày 14/01/2022 có tại hồ sơ vụ án được phô tô kèm khi giao bản án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được hưởng tài sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự thuộc người già và thuộc hộ nghèo được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định các Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L (người già và hộ nghèo), bà Lê Thị S, bà Lê Thị C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H (người già). Suất hưởng thừa kế của bà Lê Thị L1 do bà L1 chết các con bà được hưởng thừa kế thế vị phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng các con bà L1 cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị C và bà Lê Thị H $\frac{1}{2}$ suất 39m² trị giá 39.000.000 đồng nên bà S, bà C, bà H phải chịu án phí 5% giá trị được hưởng. Bà Nguyễn Thị L tuổi già và thuộc hộ nghèo nên miễn tiền án phí cho bà L.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị S đã thỏa thuận nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu các đương sự khác chi trả lại, và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26; Các Điều 37, 38, 147, 267, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 106 Luật đất đai năm 2003; các Điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai năm 2013.
- Các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc tranh chấp chia di sản của cụ Lê Đức D và cụ Nguyễn Thị H3 đối với thửa đất số 988, tờ bản đồ số 12 thuộc bộ bản đồ địa chính xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, đất có tại xóm b, xã NL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, có diện tích đo thực tế 760m², di sản hiện nay bà Nguyễn Thị L quản lý. Phân chia cụ thể như sau:

1. Chia cho bà Lê Thị S, bà Lê Thị C và bà Lê Thị H quản lý sử dụng chung diện tích 273m² (hai trăm bảy ba mét vuông) có kích thước phía Tây Nam giáp đất ở ông N1 kích thước 18,02m và 1,65m; phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho bà L và chị H2 quản lý sử dụng có kích thước 24m; phía Tây Bắc giáp

đất ở bà C có kích thước 12m và phía Đông Nam giáp đường xóm có kích thước 13m.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị H2 quản lý sử dụng chung diện tích 487m² (bốn trăm tám bảy mét vuông) có kích thước phía Tây Nam giáp phần đất giao cho bà S, bà C, bà H quản lý, sử dụng có kích thước 24m; phía Đông Bắc giáp đường xóm có kích thước 2,47m - 21,34m - 7,46m; phía Tây Bắc giáp đất ở bà C có kích thước còn lại sau khi giao bà S, bà H, bà C 12m và phía Đông Nam giáp đường xóm có kích thước còn lại sau khi đo đã giao cho bà S, bà Cu và bà H 13m.

Diện tích đất chia cho các đương sự quản lý sử dụng có tại xóm b xã NL, thửa 988 tờ bản đồ số 12 thuộc bộ bản đồ địa chính xã NL, huyện ND, tỉnh Nghệ An và kèm theo sơ đồ lập ngày 23/3/2021 (BL135) tại hồ sơ vụ án) và sơ đồ đo vẽ ngày 14/01/2022 có tại hồ sơ được phô tô kèm khi giao bản án.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn tiền án phí chia di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị L do tuổi già và hộ nghèo.

Bà Lê Thị H, Lê Thị S và bà Lê Thị C phải chịu 1.950.000 đồng tiền án phí dân sự giá trị tài sản được các con bà Lê Thị L1FL cho và chia phần mỗi người phải nộp 650.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thi

